**ĐẠI HỌC DUY TÂN**

**KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

**--------------🙖🙐✰🙖🙐-------------**

****

**Tên đề tài:**

**PHÁT TRIỂN NỀN TẢNG ĐẶT PHÒNG KHÁCH SẠN TRỰC TUYẾN HỖ TRỢ KHÁCH HÀNG BẰNG [AI CHATBOX]**

**(USER INTERFACE DESIGN)**

GVHD: Ths Phan Long

Thành viên:

Nguyễn Phước Thanh Tuấn 27211201144

Nguyễn Minh Toàn 27211226891

Ngô Văn Giỏi 27218237125

Nguyễn Ngọc Sơn 27211231307

Nguyễn Thanh Long 27211225186

**Đà Nẵng, 10 - 2025**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **THÔNG TIN DỰ ÁN** | | | | |
| **Dự án viết tắt** | BK | | | |
| **Tên dự án** | Phát triển nền tảng đặt phòng khách sạn trực tuyến hỗ trợ khách hàng bằng [AI Chatbot] | | | |
| **Thời gian bắt đầu** | 3/10/2025 | **Thời gian kết thúc** | 25/12/2025 | |
| **Lead Institution** | Khoa Công Nghệ Thông Tin, Trường Đại Học Duy Tân | | | |
| **Giáo viên hướng dẫn** | Phan Long Email: [phanlong92@gmail.com](mailto:phanlong92@gmail.com)  Phone: 0867650401 | | | |
| **Chủ sở hữu dự án & Chi tiết liên hệ** | Nguyễn Ngọc Sơn  Email: [nguyenngocsonkeo2003@gmail.com](mailto:nguyenngocsonkeo2003@gmail.com)  Phone: 0852868036 | | | |
| **Đối tác** | Duy Tan University | | | |
| **Quản lý dự án &Scrum Master** | Ngô Văn Giỏi | [ngovangioi2424vn@gmail.com](mailto:ngovangioi2424vn@gmail.com) | | 0965160610 |
| **Thành Viên Nhóm** | Nguyễn Phước Thanh Tuấn | [Tuansober1998@gmail.com](mailto:Tuansober1998@gmail.com) | | 0852868036 |
| Nguyễn Ngọc Sơn | [nguyenngocsonkeo2003@gmail.com](mailto:nguyenngocsonkeo2003@gmail.com) | | 0867650401 |
| Nguyễn Minh Toàn | [nguyenminhtoan404@gmail.com](mailto:nguyenminhtoan404@gmail.com) | | 0563856585 |
| Nguyễn Thanh Long | thanhlong472002@gmail.com | | 0385224055 |

**THÔNG TIN TÀI LIỆU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên dự án** | Phát triển nền tảng đặt phòng khách sạn trực tuyến hỗ trợ khách hàng bằng [AI Chatbot] |
| **Tiêu đề tài liệu** | User Interface Design |
| **Người thực hiện** | Nguyễn Ngọc Sơn |

**LỊCH SỬ CHỈNH SỬA TÀI LIỆU**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phiên bản** | **Người chỉnh sửa** | **Ngày** | **Ghi chú** |
| 1.0 | Nguyễn Ngọc Sơn | 27/10/2025 | Bản nháp |
| 1.1 | Nguyễn Ngọc Sơn | 1/11/2025 | Bản chính thức |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **PHÊ DUYỆT TÀI LIỆU**  Cần có các chữ ký sau để phê duyệt tài liệu này | | | |
| **Người hướng dẫn** | GVHD: Phan Long | **Signature:** |  |
| **Date:** | …/…/2025 |
| **Chủ sở hữu** | Nguyễn Ngọc Sơn | **Signature:** |  |
| **Date:** | …/…/2025 |
| **Scrum Master** | Ngô Văn Giỏi | **Signature:** |  |
| **Date:** | …/…/2025 |
| **Thành viên** | Nguyễn Thanh Long | **Signature:** |  |
| **Date:** | …/…/2025 |
| Nguyễn Minh Toàn | **Signature:** |  |
| **Date:** | …/…/2025 |
| Nguyễn Phước Thanh Tuấn | **Signature:** |  |
| **Date:** | …/…/2025 |

MỤC LỤC

[1. SƠ ĐỒ LIÊN KẾT GIAO DIỆN 6](#_Toc213518275)

[2. THIẾT KẾ GIAO DIỆN 8](#_Toc213518276)

[2.1. Giao diện Đăng Ký 8](#_Toc213518277)

[2.1.1. Bảng mẫu 8](#_Toc213518278)

[2.1.2. Đặc tả chi tiết 8](#_Toc213518279)

[2.2. Giao diện Đăng Nhập 9](#_Toc213518280)

[2.2.1. Bảng mẫu 9](#_Toc213518281)

[2.2.2. Đặc tả chi tiết 10](#_Toc213518282)

[2.3. Giao diện AI CHATBOX với khách hàng 12](#_Toc213518283)

[2.3.1. Bảng mẫu 12](#_Toc213518284)

[2.3.2. Đặc tả chi tiết 13](#_Toc213518285)

[2.4. Giao diện Đặt phòng trực tuyến 14](#_Toc213518286)

[2.4.1. Bảng mẫu 14](#_Toc213518287)

[2.4.2. Đặc tả chi tiết 14](#_Toc213518288)

[2.5. Giao diện hủy phòng và đặt lại phòng 18](#_Toc213518289)

[2.5.1. Bảng mẫu 18](#_Toc213518290)

[2.5.2. Đặc tả chi tiết 18](#_Toc213518291)

[2.6. Giao diện Xem và quản lý lịch sử đặt phòng 22](#_Toc213518292)

[2.6.1. Phòng Bảng mẫu 22](#_Toc213518293)

[2.6.2. Đặc tả chi tiết 22](#_Toc213518294)

[2.7. Giao diện tìm kiếm khách sạn 24](#_Toc213518295)

[2.7.1. Bảng mẫu 24](#_Toc213518296)

[2.7.2. Đặc tả chi tiết 24](#_Toc213518297)

[2.8. Giao diện đánh giá khách sạn 27](#_Toc213518298)

[2.8.1. Bảng mẫu 27](#_Toc213518299)

[2.8.2. Đặc tả chi tiết 27](#_Toc213518300)

[2.9. Giao diện xem phòng khách sạn 31](#_Toc213518301)

[2.9.1. Bảng mẫu 31](#_Toc213518302)

[2.9.2. Đặc tả chi tiết 32](#_Toc213518303)

[2.10. Giao diện Đăng xuất 35](#_Toc213518304)

[2.10.1. Bảng mẫu 35](#_Toc213518305)

[2.10.2. Đặc tả chi tiết 35](#_Toc213518306)

[2.11. Giao diện Quản lý thông tin cá nhân 37](#_Toc213518307)

[2.11.1. Bảng mẫu 37](#_Toc213518308)

[2.11.2. Đặc tả chi tiết 37](#_Toc213518309)

[2.12. Giao diện Đăng xuất 40](#_Toc213518310)

[2.12.1. Bảng mẫu 40](#_Toc213518311)

[2.12.2. Đặc tả chi tiết 40](#_Toc213518312)

[2.13. Giao diện Quản lí tin tức 42](#_Toc213518313)

[2.13.1. Bảng mẫu 42](#_Toc213518314)

[2.13.2. Đặc tả chi tiết 42](#_Toc213518315)

[2.14. Giao diện duyệt khách sạn (Admin) 43](#_Toc213518316)

[2.14.1. Bảng mẫu 43](#_Toc213518317)

[2.14.2. Đặc tả chi tiết 44](#_Toc213518318)

[2.15. Giao diện danh sách khách sạn 46](#_Toc213518319)

[2.15.1. Bảng mẫu 46](#_Toc213518320)

[2.15.2. Đặc tả chi tiết 46](#_Toc213518321)

[2.16. Giao diện Đặt cọc giữ phòng (Admin) 48](#_Toc213518322)

[2.16.1. Bảng mẫu 48](#_Toc213518323)

[2.16.2. Đặc tả chi tiết 49](#_Toc213518324)

[2.17. Giao diện quản lí tài khoản 50](#_Toc213518325)

[2.17.1. Bảng mẫu 50](#_Toc213518326)

[2.17.2. Đặc tả chi tiết 50](#_Toc213518327)

# SƠ ĐỒ LIÊN KẾT GIAO DIỆN

A group of blue rectangles with different colored symbols

Description automatically generated

Hình 1. Sơ đồ liên kết giao diện trong ứng dụng

* Trong đó:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mã UI** | **Tên** | **Ý nghĩa** |
| UI\_01 | Đăng nhập | Giao diện đăng nhập |
| UI\_02 | Đăng ký | Giao diện đăng ký tài khoản người dùng |
| UI\_03 | Chat với Al để tìm khách sạn | Giao diện trò chuyện với AI để tìm kiếm và gợi ý khách sạn phù hợp |
| UI\_04 | Đặt phòng khách sạn trực tuyến | Giao diện đặt phòng khách sạn trực tuyến |
| UI\_05 | Hủy hoặc thay đổi đặt phòng | Giao diện hủy hoặc người dùng đặt lại phòng |
| UI\_06 | Xem và quản lý lịch sử đặt | Giao diện hiển thị và quản lý lịch sử đặt phòng của người dùng |
| UI\_07 | Đánh giá khách sạn sau khi lưu trú | Giao diện cho phép người dùng đánh giá chất lượng dịch vụ, phòng ở và chia sẻ trải nghiệm sau khi đã hoàn tất kỳ lưu trú. |
| UI\_08 | Đăng xuất | Giao diện xác nhận hành động đăng xuất khỏi tài khoản người dùng, đảm bảo an toàn và bảo mật thông tin. |
| UI\_09 | Tìm kiếm phòng | Giao diện tìm kiếm và lọc danh sách phòng khách sạn theo địa điểm, ngày nhận – trả phòng, số khách và các tiêu chí khác. |
| UI\_10 | Xem phòng | Giao diện hiển thị chi tiết thông tin từng phòng như giá, hình ảnh, tiện nghi, chính sách hủy và tùy chọn đặt phòng. |
| UI\_11 | Quản lý thông tin cá nhân | Giao diện cho phép người dùng chỉnh sửa và cập nhật thông tin cá nhân (tên, giới tính, ngày sinh, địa chỉ, mật khẩu, bảo mật). |
| UI\_12 | Báo cáo thống kê (Admin) | Giao diện dành cho quản trị viên hiển thị các biểu đồ, số liệu thống kê về công suất phòng, doanh thu, dịch vụ và lượng khách hàng theo từng giai đoạn. |
| UI\_13 | Quản lý tin tức (Admin) | Hiển thị danh sách tin tức, cho phép thêm, chỉnh sửa, gỡ/xuất bản |
| UI\_14 | Quản lý duyệt khách sạn | Giao diện duyệt các khách sạn chờ xét duyệt, phê duyệt hoặc từ chối |
| UI\_15 | Quản lý danh sách khách sạn | Hiển thị tất cả khách sạn trong hệ thống và trạng thái hoạt động |
| UI\_16 | Đặt cọc giữ phòng | Giao diện theo dõi các giao dịch đặt cọc, trạng thái xác nhận và thanh toán |
| UI\_17 | Quản lý tài khoản | Giao diện quản lý người dùng, phân vai trò, trạng thái hoạt động, bị chặn |

# THIẾT KẾ GIAO DIỆN

## Giao diện Đăng Ký

## Bảng mẫu

A screenshot of a computer screen

Description automatically generated

Hình 2.1. Giao diện trang đăng ký

## Đặc tả chi tiết

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Màn hình** | Đăng Ký | | | | |
| **Mô tả** | Chức năng cho phép người dùng mới tạo tài khoản trên hệ thống Booking để có thể đăng nhập, đặt phòng, quản lý đặt phòng, hủy phòng và sử dụng các dịch vụ khác của hệ thống. | | | | |
| **Truy cập** | Người dùng bấm vào “Đăng ký” | | | | |
| **Đối tượng** | Admin, Member | | | | |
| **Nội dung** | | | | | |
| **Mục** | **Kiểu** | **Dữ liệu** | | **Mô tả** | |
| 1 | Text box | Mặc định: rỗng  Yêu cầu: có | | Nơi nhập: họ tên | |
| 2 | Text box | Mặc định: rỗng  Yêu cầu: có | | Nơi nhập: Email | |
| 3 | Text box | Mặc định: rỗng  Yêu cầu: có | | Nơi Nhập : Mật Khẩu | |
| 4 | Varchar | Chọn vai trò: có Yêu cầu : có | | Người dung chọn vai trò | |
| 5 | Button |  | | Nút Đăng Ký | |
| **Hoạt động** | | | | | |
| **Tên** | **Mô tả** | | **Thành công** | | **Thất bại** |
| Không nhập username | 1.Không nhập username  2.Nhấn nút “Đăng ký” | |  | | Thông báo: “Vui lòng nhập username” |
| Không nhập password | 1.Không nhập password  2.Nhấn nút “Đăng ký” | |  | | Thông báo: “Vui lòng nhập password” |
| Không chọn vai trò | 1 Không chọn vai trò | |  | | Thông báo: “Bạn vui lòng chọn vai trò” |
| Bạn đã có tài khoản | 1 Chọn bạn đã có tài khoản | | Chuyển đến trang đăng nhập | |  |

## Giao diện Đăng Nhập

## Bảng mẫu

A screenshot of a computer

Description automatically generated

Hình 2.2. Giao diện Đăng Nhập

## Đặc tả chi tiết

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Màn hình** | Đăng Nhập | | | | |
| **Mô tả** | Chức năng cho phép người dùng đã có tài khoản trong hệ thống đăng nhập vào để sử dụng các tiện ích như đặt phòng, quản lý thông tin cá nhân, xem lịch sử đặt phòng, hủy đặt phòng hoặc quản lý khách sạn (nếu là đối tác). | | | | |
| **Truy cập** | Người dùng bấm vào “Đăng Nhập” | | | | |
| **Đối tượng** | Admin, Member | | | | |
| **Nội dung** | | | | | |
| **Mục** | **Kiểu** | **Dữ liệu** | | **Mô tả** | |
| 1 | Text box | Mặc định: rỗng  Yêu cầu: có | | Nơi nhập Tài khoản | |
| 2 | Text box | Mặc định: rỗng  Yêu cầu: có | | Nơi nhập Mật khẩu | |
| 3 | Button |  | | Nhấn đăng nhập tài khoản google | |
| 4 | Button |  | | Đăng Nhập | |
| **Hoạt động** | | | | | |
| **Tên** | **Mô tả** | | **Thành công** | | **Thất bại** |
| Không nhập tài khoản | Không nhập thông tin tài khoản | |  | | Thông báo bạn vui long nhập tài khoản |
| Không Nhập mật khẩu | Không nhập thông tin mật khẩu | |  | | Thông báo vui long nhập mật khẩu |
| Nhập mật khẩu và tài khoản | Nhập sai mật khẩu và tài khoản | |  | | Thông báo "Tài khoản của bạn sai mật khẩu hoặc tài khoản vui long thử lại” |
| Đăng Nhập | Nhập đúng tài khoản đã được đăng ký | | Bạn đã đăng nhập thành công | |  |

## Giao diện AI CHATBOX với khách hàng

## Bảng mẫu

A screenshot of a chat

Description automatically generated

Hình 2.3. Giao diện AI Chatbox hổ trợ khách hàng

## Đặc tả chi tiết

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Màn hình | Giao diện AI CHATBOX | | | | | |
| Mô tả | Chức năng cho phép người dùng trò chuyện trực tiếp với AI chatbot hoặc nhân viên hỗ trợ để được tư vấn, gợi ý khách sạn, giải đáp thắc mắc, và hỗ trợ xử lý các yêu cầu như đặt phòng, hủy phòng, thay đổi thông tin đặt chỗ | | | | | |
| Truy cập | Người dùng bấm vào mục phía bên góc phải với hình logo trên | | | | | |
| Đối tượng | Admin, member | | | | | |
| **Nội dung** | | | | | | |
| **Mục** | **Kiểu** | **Dữ liệu** | | **Mô tả** | | |
| 1 | User Message |  | | Tin nhắn người dùng | | |
| 2 | AI Message |  | | phản hồi tự động, gợi ý khách sạn | | |
| 3 | Input Box |  | | Nơi nhập tin nhắn | | |
| **Hoạt động** | | | | | | |
| **Tên** | **Mô tả** | | **Thành công** | | **Thất bại** | |
| Tìm kiếm | Tìm giúp tôi một khách sạn gần nhất | | Phản hồi tự động và gợi ý khách sạn | | |  |

## Giao diện Đặt phòng trực tuyến

## Bảng mẫu

A screenshot of a hotel

Description automatically generated

Hình 2.4. Giao diện Đặt phòng trực tuyến

## Đặc tả chi tiết

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Màn hình | Đặt phòng trực tuyến | | | | |
| Mô tả | Cho phép người dùng chọn khách sạn, phòng, thời gian lưu trú, số lượng khách và xác nhận đặt phòng. | | | | |
| Truy cập | Người dùng đăng nhập vào trang chủ | | | | |
| Đối tượng | Admin, member | | | | |
| **Nội dung** | | | | | |
| **Mục** | **Kiểu** | **Dữ liệu** | | **Mô tả** | |
| 1 | Dropdown | Tên địa điểm (Đà Nẵng, Hà Nội, TP.HCM, …) | | Chọn địa điểm muốn đặt phòng | |
| 2 | Date Picker | Ngày nhận phòng | | Chọn ngày bắt đầu ở tại khách sạn | |
| 3 | Date Picker | Ngày trả phòng | | Chọn ngày kết thúc ở tại khách sạn | |
| 4 | Dropdown | Số lượng khách (người lớn, trẻ em) | | Chọn số lượng người ở trong phòng | |
| 5 | Text Box | Tên khách sạn (SALA Hotel, Furama, …) | | Hiển thị tên khách sạn được chọn | |
| 6 | Rating Display (Label) | Số sao đánh giá (4.29★) | | Hiển thị điểm đánh giá của khách sạn | |
| 7 | Image Gallery | Danh sách ảnh khách sạn | | Hiển thị ảnh phòng, sảnh, tiện nghi của khách sạn | |
| 8 | Checkbox / Icon List | Danh sách tiện nghi (Wi-Fi, Bể bơi, Spa, …) | | Hiển thị các dịch vụ miễn phí hoặc có phí | |
| 9 | Label | Môi trường xung quanh (Bãi biển, Bãi tắm…) | | Bãi tắm…)  Hiển thị vị trí hoặc địa điểm gần khách sạn | |
| 10 | Text Box (Readonly) | Tên loại phòng (Phòng VIP, Deluxe, Suite, …) | | Hiển thị thông tin chi tiết loại phòng | |
| 11 | Text Box | Số lượng khách / Phòng | | Hiển thị số người ở tối đa cho loại phòng | |
| 12 | Text Box (Readonly) | Giá phòng mỗi đêm | | Hiển thị giá niêm yết của phòng | |
| 13 | Button | “Tìm Hiểu Phòng” | | Hiển thị chi tiết thông tin phòng đã chọn | |
| 14 | Button | “Đặt Phòng” | | Gửi yêu cầu đặt phòng lên hệ thống | |
| **Hoạt động** | | | | | |
| **Tên** | **Mô tả** | | **Thành công** | | **Thất bại** |
| Chọn địa điểm | Chọn tỉnh/thành phố muốn đặt phòng từ danh sách | | Hiển thị danh sách khách sạn ở địa điểm đã chọn | | Không có lựa chọn hoặc địa điểm không hợp lệ |
| Chọn ngày nhận phòng | Chọn ngày bắt đầu ở khách sạn | | Hiển thị ngày nhận phòng hợp lệ | | Không chọn hoặc ngày nhỏ hơn ngày hiện tại |
| Chọn ngày trả phòng | Chọn ngày kết thúc ở khách sạn | | Hiển thị ngày trả phòng hợp lệ | | Không chọn hoặc ngày nhỏ hơn ngày nhận phòng |
| Chọn số lượng khách | Nhập hoặc chọn số người lớn và trẻ em | | Hiển thị tổng số khách hợp lệ | | Không nhập hoặc vượt quá giới hạn cho phép |
| Hiển thị khách sạn | Hiển thị danh sách khách sạn phù hợp với điều kiện tìm kiếm | | Danh sách khách sạn được hiển thị đầy đủ | | Không có khách sạn phù hợp hoặc lỗi kết nối dữ liệu |
| Hiển thị loại phòng | Hiển thị các loại phòng của khách sạn (VIP, Deluxe, Suite...) | | Thông tin phòng được hiển thị đúng | | Không tải được thông tin phòng |
| Hiển thị giá phòng | Hiển thị giá mỗi đêm và tổng giá theo thời gian ở | | Giá được hiển thị rõ ràng | | Lỗi tính giá hoặc không có giá phòng |
| Chọn phòng | Người dùng chọn loại phòng muốn đặt | | Phòng được chọn và chuyển sang bước đặt | | Không chọn được hoặc phòng đã hết |
| Đặt phòng | Xác nhận thông tin và gửi yêu cầu đặt phòng | | Đặt phòng thành công và hiển thị thông báo xác nhận | | Thiếu thông tin hoặc lỗi hệ thống khi gửi yêu cầu |
| Lưu khách sạn yêu thích | Người dùng nhấn “Save” để lưu vào danh sách yêu thích | | Khách sạn được thêm vào danh sách yêu thích | | Lỗi không thể lưu hoặc chưa đăng nhập |

## Giao diện hủy phòng và đặt lại phòng

## Bảng mẫu

A screenshot of a phone

Description automatically generated

Hình 2.5. Giao diện hủy phòng và đặt lại phòng

## Đặc tả chi tiết

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Màn hình** | Hủy phòng và đặt lại phòng | | | | |
| **Mô tả** | Cho phép người dùng lựa chọn khách sạn, xem thông tin chi tiết, chọn phòng và thực hiện đặt phòng trực tuyến. | | | | |
| **Truy cập** | Truy cập trang đặt phòng và hủy phòng | | | | |
| **Đối tượng** | Member | | | | |
| **Nội dung** | | | | | |
| **Mục** | **Kiểu** | **Dữ liệu** | | **Mô tả** | |
| 1 | Label | Tên khách hàng | | Hiển thị tên người đã đặt phòng (VD: Trần Quang Khải) | |
| 2 | Label | Tên phòng | | Hiển thị loại phòng được chọn (VD: Phòng VIP) | |
| 3 | Label | Tên khách sạn | | Hiển thị tên khách sạn được đặt (VD: SALA Hotel) | |
| 4 | Label | Thời gian đặt phòng | | Hiển thị ngày nhận và trả phòng (VD: 19-02-2025) | |
| 5 | Label | Tổng tiền | | Hiển thị tổng chi phí đặt phòng (VD: 1.234.000đ) | |
| 6 | Label | Số người | | Hiển thị số lượng khách trong phòng (VD: 2 người lớn, 1 trẻ em) | |
| 7 | Label | Đánh giá khách sạn | | Hiển thị số sao hoặc điểm đánh giá (VD: 4,29★) | |
| 8 | Label | Hình ảnh phòng | | Hiển thị ảnh minh họa thực tế của phòng khách sạn | |
| 9 | Label | Phí hủy đặt phòng | | Hiển thị mức phí hủy (VD: Miễn phí) | |
| 10 | Button | Đặt lại | | Nút cho phép người dùng đặt lại phòng đã hủy | |
| 11 | Link | Tìm lại khách sạn | | Dẫn đến trang danh sách khách sạn khác | |
| 12 | Label | Email xác nhận | | Hiển thị hoặc thông báo email đã gửi xác nhận đặt/hủy phòng | |
| **Hoạt động** | | | | | |
| **Tên** | **Mô tả** | | **Thành công** | | **Thất bại** |
| Hiển thị tên khách hàng | Hiển thị tên người đặt phòng | | Tên khách hàng được hiển thị đúng (VD: Trần Quang Khải) | | Không hiển thị hoặc sai tên khách hàng |
| Hiển thị tên phòng | Hiển thị loại phòng đã chọn | | Tên phòng hiển thị đúng (VD: Phòng VIP) | | Không hiển thị hoặc hiển thị sai loại phòng |
| Hiển thị tên khách sạn | Hiển thị tên khách sạn được đặt | | Tên khách sạn hiển thị đúng (VD: SALA Hotel) | | Không hiển thị hoặc hiển thị sai tên khách sạn |
| Hiển thị thời gian đặt phòng | Hiển thị ngày đặt và trả phòng | | Ngày hiển thị chính xác (VD: 19/02/2025) | | Không hiển thị hoặc sai ngày |
| Hiển thị tổng tiền | |  | | --- | | Hiển thị tổng chi phí đặt phòng |  |  | | --- | |  | | | Tổng tiền hiển thị đúng định dạng (VD: 1.234.000đ) | | Không hiển thị hoặc sai số tiền |
| Hiển thị số lượng khách | Hiển thị số người lớn và trẻ em | | Số lượng hiển thị đúng (VD: 2 người lớn, 1 trẻ em) | | Không hiển thị hoặc sai số lượng |
| Hiển thị phí hủy đặt phòng | Hiển thị mức phí hủy | | Hiển thị Miễn phí hoặc đúng mức phí | | Không hiển thị hoặc sai thông tin phí |
| Hiển thị phí hủy đặt phòng | Hiển thị trạng thái duyệt của văn bản | | Trạng thái duyệt được hiển thị | | Trạng thái duyệt không được hiển thị |
| Hiển thị ảnh phòng | Hiển thị ảnh thực tế của phòng | | Ảnh hiển thị đầy đủ, rõ nét | | Không hiển thị ảnh hoặc lỗi hình ảnh |
| Nút “Đặt lại” | Cho phép đặt lại phòng đã hủy | | Hệ thống chuyển sang trang đặt phòng mới | | Không hoạt động hoặc không chuyển trang |
| Liên kết “Tìm lại khách sạn” | Dẫn người dùng đến trang danh sách khách sạn khác | | Liên kết hoạt động và mở trang đúng | | Không hoạt động hoặc báo lỗi khi nhấn |

## Giao diện Xem và quản lý lịch sử đặt phòng

## Phòng Bảng mẫu

A screenshot of a hotel

Description automatically generated

Hình 2.6. Giao diện xem và quản lý lịch sử đặt phòng

## Đặc tả chi tiết

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Màn hình** | Xem và quản lịch sử đặt phòng | | | |
| **Mô tả** | Giao diện cho phép quản trị viên theo dõi, tìm kiếm, xem chi tiết, chỉnh sửa hoặc xóa các đơn đặt phòng của khách hàng trên hệ thống. Ngoài ra, admin có thể lọc danh sách theo khách sạn, người đặt, trạng thái đơn, hoặc thời gian đặt phòng. | | | |
| **Truy cập** | Người dùng chọn "Quản lý" > chọn trong mục khách đã đặt phòng bên trái để mở giao diện này. | | | |
| **Đối tượng** | admin | | | |
| **Nội dung** | | | | |
| **Mục** | **Kiểu** | **Dữ liệu** | **Mô tả** | |
| 1 | Label | Tên khách hàng | Hiển thị tên người đã thực hiện đặt phòng | |
| 2 | Label | |  | | --- | | Tên phòng |  |  | | --- | |  | | Hiển thị loại phòng khách đã chọn (VIP, Thường, Gia đình, …) | |
| 3 | Label | Tên khách sạn | Hiển thị tên khách sạn mà khách đã đặt | |
| 4 | Label | Thời gian đặt phòng | Hiển thị ngày khách hàng đặt phòng | |
| 5 | Label | Tổng tiền | Hiển thị tổng số tiền của mỗi đơn đặt phòng | |
| 6 | Label | Số người | Hiển thị số lượng người lớn và trẻ em trong đơn đặt phòng | |
| 7 | Button | Nút “Hủy phòng” | Cho phép người dùng hủy đơn đặt phòng tương ứng | |
| 8 | Table | Danh sách lịch sử đặt phòng | Hiển thị toàn bộ thông tin đặt phòng theo từng dòng, mỗi dòng là một đơn đặt phòng | |
| **Hoạt động** | | | | |
| **Tên** | **Mô tả** | | **Thành công** | **Thất bại** | |
| Hiển thị danh sách đặt phòng | Hiển thị toàn bộ các đơn đặt phòng của khách hàng trong hệ thống | | Danh sách các đơn đặt phòng được hiển thị đầy đủ | Không hiển thị danh sách hoặc lỗi tải dữ liệu | |
| Nhập từ khóa tìm kiếm | Nhập từ khóa vào ô tìm kiếm để tìm Loại Văn Bản | | Hiển thị danh sách đặt phòng phù hợp với từ khóa tìm kiếm | Không hiển thị kết quả hoặc lỗi tìm kiếm | |
| Hủy phòng | Nhấn nút “Hủy phòng” để thực hiện thao tác hủy đặt phòng | | Hệ thống thông báo “Đặt phòng của bạn đã được hủy” và cập nhật lại danh sách | Không thể hủy phòng hoặc lỗi hiển thị thông báo | |
| Xem chi tiết đặt phòng | Nhấn vào đơn đặt phòng để xem thông tin chi tiết (tên khách sạn, phòng, tổng tiền, số người,…) | | Hiển thị đầy đủ thông tin chi tiết của đơn đặt phòng | Không hiển thị được chi tiết hoặc lỗi tải dữ liệu | |

## Giao diện tìm kiếm khách sạn

## Bảng mẫu

**A screenshot of a hotel

Description automatically generated**

Hình 2.7. Giao diện tìm kiếm khách sạn

## Đặc tả chi tiết

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Màn hình** | Tìm kiếm khách sạn | | | | |
| **Mô tả** | Hệ thống cho phép người dùng tìm kiếm khách sạn theo điểm đến, ngày nhận phòng, ngày trả phòng, số lượng khách/phòng và áp dụng bộ lọc để hiển thị danh sách khách sạn phù hợp. | | | | |
| **Truy cập** | Người dùng chọn tính năng “Tìm khách sạn” từ trang chủ hoặc menu chính. | | | | |
| **Đối tượng** | Member, Khách vãng lai | | | | |
| **Nội dung** | | | | | |
| **Mục** | **Kiểu** | **Dữ liệu** | | **Mô tả** | |
| 1 | Dropdown | Danh sách các điểm đến (TP. Đà Nẵng, TP. Hồ Chí Minh, Nha Trang, Hà Nội…) | | Người dùng chọn điểm đến muốn đặt phòng. | |
| 2 | Date Picker | Ngày nhận phòng | | Người dùng chọn ngày bắt đầu lưu trú. | |
| 3 | Date Picker | Ngày trả phòng | | Người dùng chọn ngày kết thúc lưu trú. | |
| 4 | Dropdown | Số lượng người và phòng (2 adults, 1 room, v.v.) | | Người dùng chọn số lượng khách và phòng. | |
| 5 | Button | “Lọc” | | Nhấn để áp dụng bộ lọc tìm kiếm khách sạn theo thông tin đã chọn. | |
| **Hoạt động** | | | | | |
| **Tên** | **Mô tả** | | **Thành công** | | **Thất bại** |
| Chọn địa điểm | Chọn tỉnh/thành phố muốn đặt phòng từ danh sách gợi ý. | | Hiển thị danh sách khách sạn ở địa điểm đã chọn. | | Không có lựa chọn hoặc địa điểm không hợp lệ. |
| Chọn ngày nhận phòng | Chọn ngày bắt đầu ở khách sạn. | | Hiển thị danh sách khách sạn còn phòng vào ngày nhận phù hợp. | | Ngày nhận phòng nhỏ hơn ngày hiện tại hoặc không hợp lệ. |
| Chọn ngày trả phòng | Chọn ngày kết thúc ở khách sạn. | | Hiển thị ngày trả phòng hợp lệ tương ứng với ngày nhận. | | Ngày trả phòng nhỏ hơn ngày nhận hoặc không hợp lệ. |
| Chọn số lượng khách | Nhập hoặc chọn số người lớn và trẻ em. | | Hiển thị tổng số khách hợp lệ cho mỗi phòng. | | Vượt quá giới hạn cho phép của từng loại phòng. |
| Áp dụng bộ lọc | Người dùng nhấn nút “Lọc” để hiển thị danh sách khách sạn phù hợp. | | Hệ thống hiển thị kết quả danh sách khách sạn đáp ứng tất cả tiêu chí. | | Hiển thị thông báo “Không tìm thấy khách sạn phù hợp.” |

## Giao diện đánh giá khách sạn

## Bảng mẫu

**A screenshot of a phone

Description automatically generated**

Hình 2.8. Giao diện đánh giá khách sạn

## Đặc tả chi tiết

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Màn hình** | Đánh giá khách sạn | | | | |
| **Mô tả** | Giao diện cho phép khách hàng gửi phản hồi, đánh giá mức độ hài lòng và ý kiến chi tiết về chất lượng phòng/dịch vụ sau khi lưu trú. | | | | |
| **Truy cập** | Người dùng truy cập từ trang chi tiết đặt phòng (sau khi kết thúc lưu trú) hoặc từ email mời đánh giá/điều hướng trong ứng dụng. | | | | |
| **Đối tượng** | Member | | | | |
| **Nội dung** | | | | | |
| **Mục** | **Kiểu** | **Dữ liệu** | | **Mô tả** | |
| 1 | Radio button | Quá hài lòng | | Tùy chọn mức đánh giá cao nhất — người dùng chọn nếu rất hài lòng | |
| 2 | Radio button | Hài lòng | | Tùy chọn mức đánh giá trung bình — người dùng chọn nếu hài lòng | |
| 3 | Radio button | Không hài lòng | | Tùy chọn mức đánh giá thấp — người dùng chọn nếu không hài lòng | |
| 4 | Text box | Tên người gửi | | Ô nhập tên (bắt buộc nếu là Guest; có thể tự động điền nếu Member đã đăng nhập) | |
| 5 | Text box | Email | | Ô nhập email để liên hệ / xác minh (bắt buộc hoặc tự động điền nếu Member) | |
| 6 | Phone input (dropdown mã vùng + text) | Số điện thoại | | Nhập mã vùng + số điện thoại (tùy chọn/được dùng để xác minh khi cần) | |
| 7 | Text area | Nội dung đánh giá / Message | | Ô nhập nhận xét chi tiết, gợi ý cải thiện, tối đa ký tự (ví dụ: 1000 ký tự) | |
| 8 | Button | Gửi | | Nút gửi đánh giá — kích hoạt khi các trường bắt buộc hợp lệ | |
| **Hoạt động** | | | | | |
| **Tên** | **Mô tả** | | **Thành công** | | **Thất bại** |
| Chọn mức độ hài lòng (1/2/3) | Người dùng chọn một trong 3 radio: Quá hài lòng / Hài lòng / Không hài lòng | | Hệ thống ghi nhận lựa chọn mức độ và hiển thị trạng thái đã chọn | | Không ghi nhận do lỗi giao diện; hệ thống hiển thị lỗi chọn không thành công |
| Nhập tên (4) | Nhập tên vào ô Tên (nếu Member đã đăng nhập, autofill) | | Tên hợp lệ (không rỗng, không chứa ký tự cấm) được chấp nhận | | Để trống hoặc chứa ký tự không hợp lệ → hiển thị cảnh báo |
| Nhập email (5) | Nhập địa chỉ email liên hệ | | Email đúng định dạng được chấp nhận (nếu bắt buộc) | | Sai định dạng → hiển thị lỗi “Email không hợp lệ” |
| Nhập số điện thoại (6) | Chọn mã vùng và nhập số | | Số hợp lệ (độ dài phù hợp, chỉ số) được chấp nhận | | Sai định dạng/thiếu mã vùng → hiển thị lỗi |
| Nhập nội dung (7) | Viết nhận xét/ý kiến trong ô Message | | Nội dung trong giới hạn ký tự được chấp nhận | | Để trống (nếu bắt buộc) hoặc vượt quá giới hạn → hiển thị lỗi |
| Kiểm tra hợp lệ trước gửi | Hệ thống validate: mức độ đã chọn + các trường bắt buộc (tên/email/…) | | Nếu hợp lệ, nút Gửi hoạt động và cho phép gửi | | Nếu không hợp lệ, khoá gửi và hiển thị thông báo chi tiết |
| Gửi đánh giá (8) | Người dùng nhấn nút Gửi → hệ thống gửi dữ liệu lên server | | Hiển thị thông báo “Gửi đánh giá thành công”; lưu vào CSDL; (tùy chọn) gửi email xác nhận | | Gửi thất bại do lỗi mạng/serve → hiển thị thông báo lỗi, cho phép thử lại |
| Xác minh/Spam check (sau gửi) | Hệ thống (hoặc Admin) kiểm duyệt đánh giá (tự động bằng AI hoặc thủ công) | | Đánh giá hiển thị công khai (hoặc trạng thái “Chờ duyệt”) | | Nếu vi phạm nội dung → đánh dấu và ẩn / gửi cảnh báo cho người gửi |

## Giao diện xem phòng khách sạn

## Bảng mẫu

**A screenshot of a hotel

Description automatically generated**

**A screenshot of a hotel

Description automatically generated**

Hình 2.9. Giao diện xem phòng khách sạn

## Đặc tả chi tiết

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Màn hình** | Xem phòng khách sạn | | | | |
| **Mô tả** | Giao diện hiển thị thông tin chi tiết của một khách sạn, bao gồm hình ảnh, giá phòng, mô tả, tiện ích, và nút đặt phòng. | | | | |
| **Truy cập** | Người dùng truy cập bằng cách nhấn “View” ở danh sách khách sạn | | | | |
| **Đối tượng** | Member, Khách vãng lai | | | | |
| **Nội dung** | | | | | |
| **Mục** | **Kiểu** | **Dữ liệu** | | **Mô tả** | |
| 1 | Dropdown | Danh sách các điểm đến (TP. Đà Nẵng, TP. Hồ Chí Minh, Nha Trang, Hà Nội…) | | Người dùng chọn điểm đến muốn đặt phòng. | |
| 2 | Date Picker | Ngày nhận phòng | | Người dùng chọn ngày bắt đầu lưu trú. | |
| 3 | Date Picker | Ngày trả phòng | | Người dùng chọn ngày kết thúc lưu trú. | |
| 4 | Dropdown | Số lượng người và phòng (2 adults, 1 room, v.v.) | | Người dùng chọn số lượng khách và phòng. | |
| 5 | Button | “Lọc” | | Nhấn để áp dụng bộ lọc tìm kiếm khách sạn theo thông tin đã chọn. | |
| 6 | Button | View (Xem) | | Khi nhấn vào sẽ mở giao diện chi tiết khách sạn tương ứng, bao gồm hình ảnh, giá, mô tả, tiện ích và nút “Đặt phòng” | |
| **Hoạt động** | | | | | |
| **Tên** | **Mô tả** | | **Thành công** | | **Thất bại** |
| Chọn địa điểm | Chọn tỉnh/thành phố muốn đặt phòng từ danh sách gợi ý. | | Hiển thị danh sách khách sạn ở địa điểm đã chọn. | | Không có lựa chọn hoặc địa điểm không hợp lệ. |
| Chọn ngày nhận phòng | Chọn ngày bắt đầu ở khách sạn. | | Hiển thị danh sách khách sạn còn phòng vào ngày nhận phù hợp. | | Ngày nhận phòng nhỏ hơn ngày hiện tại hoặc không hợp lệ. |
| Chọn ngày trả phòng | Chọn ngày kết thúc ở khách sạn. | | Hiển thị ngày trả phòng hợp lệ tương ứng với ngày nhận. | | Ngày trả phòng nhỏ hơn ngày nhận hoặc không hợp lệ. |
| Chọn số lượng khách | Nhập hoặc chọn số người lớn và trẻ em. | | Hiển thị tổng số khách hợp lệ cho mỗi phòng. | | Vượt quá giới hạn cho phép của từng loại phòng. |
| Áp dụng bộ lọc | Người dùng nhấn nút “Lọc” để hiển thị danh sách khách sạn phù hợp. | | Hệ thống hiển thị kết quả danh sách khách sạn đáp ứng tất cả tiêu chí. | | Hiển thị thông báo “Không tìm thấy khách sạn phù hợp.” |
| Xem phòng | Nhấn “View” để xem chi tiết khách sạn | | Hiển thị trang chi tiết khách sạn (hình ảnh, giá, mô tả, đánh giá, nút đặt phòng) | | Lỗi tải dữ liệu → hiển thị thông báo “Không thể tải thông tin khách sạn” |

## Giao diện Đăng xuất

## Bảng mẫu

**A screenshot of a computer

Description automatically generated**

Hình 2.10. Giao diện Đăng xuất

## Đặc tả chi tiết

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Màn hình** | Đăng xuất | | | | |
| **Mô tả** | Màn hình hiển thị khi người dùng nhấn vào biểu tượng tài khoản để xem menu hồ sơ cá nhân, trong đó có chức năng “Đăng xuất” để rời khỏi hệ thống. | | | | |
| **Truy cập** | Người dùng nhấn vào biểu tượng avatar ở góc phải trên thanh menu. | | | | |
| **Đối tượng** | Thành viên (Member) đã đăng nhập. | | | | |
| **Nội dung** | | | | | |
| **Mục** | **Kiểu** | **Dữ liệu** | | **Mô tả** | |
| 1 | Avatar (Nút menu thả xuống) | Biểu tượng chữ cái viết tắt tên người dùng (ví dụ: N) | | Khi nhấn vào, hiển thị danh sách các tùy chọn cá nhân: Thẻ của tôi, Đặt chổ của tôi, Danh sách giao dịch, Refunds, Thông tin hành khách đã lưu, Cài đặt thông báo, Tài khoản và nút Đăng xuất. | |
| 2 | Button | Đăng xuất | | Khi người dùng chọn “Đăng xuất”, hệ thống kết thúc phiên đăng nhập hiện tại và quay lại giao diện trang chủ hoặc trang đăng nhập. | |
| **Hoạt động** | | | | | |
| **Tên** | **Mô tả** | | **Thành công** | | **Thất bại** |
| Mở menu tài khoản (1) | Nhấn vào avatar người dùng để mở danh sách tùy chọn cá nhân. | | Hiển thị danh sách đầy đủ các mục cá nhân (Hồ sơ, Giao dịch, Khuyến mãi, Đăng xuất, v.v.) | | Không mở được menu (lỗi giao diện hoặc lỗi tải thông tin người dùng). |
| Chọn “Đăng xuất” (2) | Người dùng nhấn vào nút “Đăng xuất” để rời khỏi tài khoản hiện tại. | | Phiên đăng nhập kết thúc, hệ thống chuyển về trang chủ hoặc trang đăng nhập, hiển thị thông báo “Đăng xuất thành công”. | | Lỗi mạng hoặc hệ thống → Hiển thị thông báo “Không thể đăng xuất, vui lòng thử lại”. |

## Giao diện Quản lý thông tin cá nhân

## Bảng mẫu

A screenshot of a computer

Description automatically generated

Hình 2.11. Giao diện Quản lý thông tin cá nhân

## Đặc tả chi tiết

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Màn hình** | Quản lý thông tin cá nhân | | | | |
| **Mô tả** | Màn hình hiển thị thông tin tài khoản của người dùng, cho phép cập nhật các dữ liệu cá nhân như họ tên, giới tính, ngày sinh, và thành phố cư trú. | | | | |
| **Truy cập** | Người dùng nhấn vào Avatar (1) → chọn Tài khoản (2) trong danh sách menu bên trái. | | | | |
| **Đối tượng** | Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống. | | | | |
| **Nội dung** | | | | | |
| **Mục** | **Kiểu** | **Dữ liệu** | | **Mô tả** | |
| 1 | Avatar (button) | Biểu tượng chữ cái viết tắt tên người dùng | | Cho phép người dùng truy cập các tùy chọn tài khoản như Hồ sơ, Đăng xuất,… | |
| 2 | Menu (navigation item) | Tài khoản (menu trái) | | Mục đang được chọn để hiển thị trang quản lý thông tin cá nhân. | |
| 3 | Text box | Tên đầy đủ | | Ô nhập/hiển thị họ tên (ví dụ: “Nguyễn văn A”). Nếu là Member, autofill từ hồ sơ. | |
| 4 | Dropdown | Giới tính | | Chọn giới tính (Male / Female / Other). | |
| 5 | Dropdown | Ngày (day) | | Chọn ngày sinh (1–31). | |
| 6 | Dropdown | Tháng (month) | | Chọn tháng sinh (Tháng Một → Tháng Mười Hai). | |
| 7 | Dropdown | Năm (year) | | Chọn năm sinh | |
| 8 | Text box | Thành phố cư trú | | Nhập tên thành phố/quận, tối đa ký tự quy định. | |
| 9 | Button | Có lẽ để sau | | Hủy/thoát khỏi màn hình mà không lưu thay đổi. | |
| 10 | Button | Lưu | | Lưu các thay đổi vào hồ sơ người dùng. | |
| **Hoạt động** | | | | | |
| **Tên** | **Mô tả** | | **Thành công** | | **Thất bại** |
| Mở menu người dùng | Nhấn Avatar (1) → chọn Tài khoản (2) | | Trang “Tài khoản” mở, hiển thị form thông tin cá nhân | | Không tải: hiển thị lỗi “Không tải được thông tin tài khoản” |
| Sửa Tên | Người dùng nhập/chỉnh sửa ô Tên đầy đủ | | Tên hợp lệ (không rỗng) cho phép lưu | | Tên rỗng/không hợp lệ → hiển thị cảnh báo ở trường |
| Chọn Giới tính | Chọn giá trị giới tính từ dropdown | | Giá trị được chấp nhận | | Giá trị rỗng (nếu bắt buộc) → cảnh báo |
| Chọn Ngày / Tháng / Năm | Chọn ngày/tháng/năm sinh từ dropdown | | Ngày tháng năm hợp lệ (ngày tồn tại với tháng/năm) | | Ngày không tồn tại (ví dụ 31/02) → cảnh báo và khoá lưu |
| Nhập Thành phố | Nhập tên thành phố cư trú | | Dữ liệu hợp lệ được chấp nhận | | Quá dài (> giới hạn) hoặc chứa ký tự cấm → cảnh báo |
| Hủy thay đổi (9) | Nhấn “Có lẽ để sau” | | Trở về trang trước; không lưu thay đổi | | Nếu lỗi điều hướng → hiển thị thông báo |
| Lưu | Nhấn “Lưu” sau khi các trường hợp lệ | | Lưu vào CSDL, hiển thị “Cập nhật thành công” | | Lưu thất bại (mạng/server) → hiển thị lỗi và cho “Thử lại” |

## Giao diện Đăng xuất

## Bảng mẫu

A screenshot of a computer

Description automatically generated

Hình 2.12. Giao diện Đăng xuất

## Đặc tả chi tiết

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Màn hình** | Đăng xuất | | | | |
| **Mô tả** | Màn hình hiển thị khi người dùng nhấn vào biểu tượng tài khoản để xem menu hồ sơ cá nhân, trong đó có chức năng “Đăng xuất” để rời khỏi hệ thống. | | | | |
| **Truy cập** | Người dùng nhấn vào biểu tượng avatar ở góc phải trên thanh menu. | | | | |
| **Đối tượng** | Thành viên (Member) đã đăng nhập. | | | | |
| **Nội dung** | | | | | |
| **Mục** | **Kiểu** | **Dữ liệu** | | **Mô tả** | |
| 1 | Menu chính | Tổng quan | | Vùng menu chính hiển thị các mục điều hướng như Tổng quan, Quản lý, Báo cáo, Kế toán,... | |
| 2 | Dropdown / Menu mở rộng | Quản lý | | Khi chọn hiển thị danh sách quản lý: Nhân viên, Thanh toán, Tiền cọc, Dịch vụ, Thống kê,... | |
| 3 | Mục menu con | Thống kê | | Mục đang được chọn hiển thị giao diện báo cáo và biểu đồ thống kê. | |
| **Hoạt động** | | | | | |
| **Tên** | **Mô tả** | | **Thành công** | | **Thất bại** |
| Mở menu Quản lý | Nhấn “Tổng quan” sau đó chọn “Quản lý” | | Hiển thị danh sách quản lý con | | Menu không mở → thông báo “Không tải được danh mục quản lý” |
| Chọn mục Thống kê | Nhấn chọn mục Thống kê | | Mở trang báo cáo thống kê | | Không hiển thị → hiển thị lỗi tải dữ liệu |
| Tải dữ liệu thống kê | Hệ thống truy xuất dữ liệu theo ngày/giai đoạn | | Hiển thị số liệu và biểu đồ cập nhật | | Dữ liệu trống hoặc lỗi kết nối → hiển thị thông báo “Không có dữ liệu để hiển thị” |
| Tương tác biểu đồ | Người dùng rê chuột, chọn hoặc lọc ngày | | Hiển thị chi tiết theo điểm chọn | | Không phản hồi → làm mờ vùng biểu đồ lỗi |
| Cập nhật dữ liệu theo giai đoạn | Admin chọn phạm vi thời gian mới | | Biểu đồ và thẻ tổng quan cập nhật dữ liệu tương ứng | | Không phản hồi → hiển thị cảnh báo “Không thể cập nhật dữ liệu” |

## Giao diện Quản lí tin tức

## Bảng mẫu

A screenshot of a social media post

AI-generated content may be incorrect.

Hình 2.13. Giao diện quản lí tin tức

## Đặc tả chi tiết

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Màn hình** | Quản lý tin tức | | | | |
| **Mô tả** | Giao diện cho phép Admin tạo, chỉnh sửa, xuất bản và xóa các bài viết tin tức, bài viết giới thiệu khách sạn hoặc thông tin du lịch. | | | | |
| **Truy cập** | Người dùng chọn "Quản lý" > “quản lí tin tức “ | | | | |
| **Đối tượng** | admin | | | | |
| **Nội dung** | | | | | |
| **Mục** | **Kiểu** | **Dữ liệu** | | **Mô tả** | |
| 1 | Button | +Thêm tin tức | | Mở form tạo bài viết mới | |
| 2 | Button | Gõ xuất bản | | Xuất bản bài viết (chuyển trạng thái từ nháp sang công khai) | |
| 3 | Button | Chỉnh sửa | | Mở form chỉnh sửa bài viết | |
| 4 | Button | Xóa | | Xóa bài viết (xác nhận trước khi xóa) | |
| **Hoạt động** | | | | | |
| **Tên** | **Mô tả** | | **Thành công** | | **Thất bại** |
| Thêm tin tức | Nhấn nút + Thêm tin tức | | Mở form tạo bài viết mới | | Lỗi hệ thống → thông báo “Không thể mở form” |
| Gõ xuất bản | Nhấn nút Gõ xuất bản | | Bài viết được xuất bản, trạng thái cập nhật | | Lỗi server → “Không thể xuất bản” |
| Chỉnh sửa | Nhấn biểu tượng bút chì | | Mở form chỉnh sửa với dữ liệu hiện tại | | Không tải được dữ liệu → thông báo lỗi |
| Xóa bài viết | Nhấn biểu tượng thùng rác | | Hiển thị xác nhận → xóa thành công | | Lỗi xóa → “Không thể xóa bài viết” |

## Giao diện duyệt khách sạn (Admin)

* + 1. **Bảng mẫu**

**A screenshot of a chat

AI-generated content may be incorrect.**

Hình 2.14. Giao diện duyệt khách sạn

## Đặc tả chi tiết

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Màn hình** | Duyệt khách sạn | | | | |
| **Mô tả** | Giao diện Hiển thị danh sách khách sạn đang chờ duyệt, đã duyệt hoặc bị từ chối. Admin có thể phê duyệt hoặc từ chối đăng ký. | | | | |
| **Truy cập** | Người dùng chọn "Quản lý" > "duyệt khách sạn " > để mở giao diện này. | | | | |
| **Đối tượng** | Admin | | | | |
| **Nội dung** | | | | | |
| **Mục** | **Kiểu** | **Dữ liệu** | | **Mô tả** | |
| 1 | Button | Xem chi tiết | | Xem thông tin chi tiết khách sạn | |
| 2 | Button | Phê duyệt | | Chấp nhận khách sạn vào hệ thống | |
| 3 | Button | Từ chối | | Từ chối đăng ký (có thể yêu cầu lý do) | |
| **Hoạt động** | | | | | |
| **Tên** | **Mô tả** | | **Thành công** | | **Thất bại** |
| Xem chi tiết | Nhấn Xem chi tiết | | Mở popup/modal chi tiết khách sạn | | Lỗi tải → “Không thể xem chi tiết” |
| Phê duyệt | Nhấn nút Phê duyệt | | Khách sạn chuyển sang trạng thái “Đã duyệt” | | Lỗi → “Không thể phê duyệt” |
| Từ chối | Nhấn nút Từ chối | | Mở form nhập lý do → gửi thông báo cho chủ khách sạn | | Lỗi gửi → thông báo thất bại |

## Giao diện danh sách khách sạn

## Bảng mẫu

**A screenshot of a calendar

AI-generated content may be incorrect.**

Hình 2.15. Giao diện danh sách khách sạn

## Đặc tả chi tiết

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Màn hình** | Danh sách khách sạn | | | | |
| **Mô tả** | Giao diện hiển thị danh sách hiển thị toàn bộ khách sạn trong hệ thống với thông tin cơ bản và thao tác quản lý. | | | | |
| **Truy cập** | Người dùng chọn "Quản lý" > "danh sách khách sạn" để mở giao diện này. | | | | |
| **Đối tượng** | Admin | | | | |
| **Nội dung** | | | | | |
| **Mục** | **Kiểu** | **Dữ liệu** | | **Mô tả** | |
| 1 | Icon | Bật/Tắt trạng thái | | Bật/tắt hiển thị khách sạn trên hệ thống | |
| 2 | Icon | Xem chi tiết | | Xem thông tin đầy đủ khách sạn | |
| 3 | Icon | Chỉnh sửa | | Mở form chỉnh sửa thông tin khách sạn | |
| 4 | Icon | Xóa | | Xóa khách sạn khỏi hệ thống | |
| **Hoạt động** | | | | | |
| **Tên** | **Mô tả** | | **Thành công** | | **Thất bại** |
| Bật/Tắt | Nhấn biểu tượng công tắc | | Cập nhật trạng thái (Hoạt động / Tạm ngưng) | | Lỗi cập nhật → thông báo |
| Xem chi tiết | Nhấn biểu tượng mắt | | Mở trang chi tiết khách sạn | | Không tải được → lỗi |
| Chỉnh sửa | Nhấn biểu tượng bút | | Mở form chỉnh sửa | | Lỗi tải form |
| Xóa | Nhấn biểu tượng thùng rác | | Xác nhận → xóa thành công | | Lỗi xóa → “Không thể xóa” |

## Giao diện Đặt cọc giữ phòng (Admin)

## Bảng mẫu

**A screenshot of a computer

AI-generated content may be incorrect.**

Hình 2.16. Giao diện đặt cọc giữ phòng

## Đặc tả chi tiết

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Màn hình** | Đặt cọc giữ phòng | | | | |
| **Mô tả** | Giao diện cho phép theo dõi và quản lý các giao dịch đặt cọc, xác nhận thanh toán và trạng thái đặt phòng. | | | | |
| **Truy cập** | Người dùng chọn "Quản lý" > "theo dõi quản lí cọc" >để mở giao diện này. | | | | |
| **Đối tượng** | Admin, menber | | | | |
| **Nội dung** | | | | | |
| **Mục** | **Kiểu** | **Dữ liệu** | | **Mô tả** | |
| 1 | Dropdown | Tất cả trạng thái | | Lọc theo trạng thái: Đã xác nhận, Chờ xác nhận, Đã hủy... | |
| 2 | Dropdown | Tất cả trạng thái | | Lọc theo phương thức thanh toán | |
| 4 | Button | Chi tiết | | Xem chi tiết giao dịch đặt cọc | |
| 5 | Button | Xác nhận / Hủy | | Xác nhận hoặc hủy giao dịch | |
| **Hoạt động** | | | | | |
| **Tên** | **Mô tả** | | **Thành công** | | **Thất bại** |
| Lọc trạng thái | Chọn từ dropdown (1)(2) | | Danh sách được lọc theo điều kiện | | Không có dữ liệu → thông báo |
| Xem chi tiết | Nhấn Chi tiết | | Mở popup/modal chi tiết giao dịch | | Lỗi tải dữ liệu |
| Xác nhận/Hủy | Nhấn nút tương ứng | | Cập nhật trạng thái → gửi thông báo cho khách | | Lỗi cập nhật → thông báo |

## Giao diện quản lí tài khoản

## Bảng mẫu

**A screenshot of a computer

AI-generated content may be incorrect.**

Hình 2.17. Giao diện quản lí tài khoản

## Đặc tả chi tiết

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Màn hình** | Quản lý tài khoản | | | | |
| **Mô tả** | Giao diện cho phép Quản lý người dùng hệ thống: khách hàng, chủ khách sạn, admin. Cho phép khóa, mở khóa, xem chi tiết, xóa tài khoản. | | | | |
| **Truy cập** | Người dùng chọn "Quản lý" > "nhấn quản lý tài khoản> hiện ra giao diện | | | | |
| **Đối tượng** | Admin | | | | |
| **Nội dung** | | | | | |
| **Mục** | **Kiểu** | **Dữ liệu** | | **Mô tả** | |
| 1 | Input | Tìm kiếm (tên, email, sđt) | | Tìm kiếm người dùng. | |
| 2 | Dropdown | Tất cả vai trò | | Lọc theo vai trò: Khách hàng, Chủ khách sạn | |
| 3 | Dropdown | Tất cả trạng thái | | Lọc theo trạng thái: Hoạt động, Bị chặn. | |
| 4 | Icon | Xem chi tiết | | Xem thông tin người dùng. | |
| 5 | Icon | Khóa/Mở khóa | | Khóa hoặc mở khóa tài khoản. | |
| **Hoạt động** | | | | | |
| **Tên** | **Mô tả** | | **Thành công** | | **Thất bại** |
| Tìm kiếm | Nhập từ khóa vào ô tìm kiếm. | | Hiển thị các danh sách phù hợp | | Không tìm thấy → “Không có kết quả” |
| Lọc vai trò/trạng thái | Chọn từ dropdown (2)(3) | | Danh sách được lọc chính xác | | Lỗi lọc → thông báo |
| Xem chi tiết | Nhấn biểu tượng mắt | | Mở popup chi tiết người dùng | | Lỗi tải → thông báo |
| Cập nhật Trạng Thái | Chọn hiển thị hoặc ẩn thông tin Nơi Nhận văn bản. | | Cập nhật trạng thái hiển thị thành công | | Không thể cập nhật trạng thái |
| Khóa/Mở khóa | Nhấn biểu tượng khóa. | | Cập nhật trạng thái tài khoản | | Lỗi cập nhật → “Không thể thay đổi trạng thái” |
| Quay lại | Nhấn "Quay lại" để trở về màn hình trước mà không lưu thay đổi | | Trở về màn hình trước mà không lưu thay đổi | | Không thể quay lại hoặc xuất hiện lỗi |